

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Ban Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Nghiêm Công Hạo	Ủy viên
Ông Dương Khánh Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Bà Nguyễn Linh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Bà Điền Dục Thanh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011, miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)

Ban Giám đốc điều hành

Ông Nghiêm Công Hạo	Tổng điều hành
Ông Dương Khánh Nam	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kê toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Ban Giám đốc điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc điều hành,

Dương Khánh Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2012

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 28. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc điều hành và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc điều hành tại trang 2, Ban Giám đốc điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc điều hành, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay vì đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc tới các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã phản ánh toàn bộ chi phí trước hoạt động của khu khách sạn Four Points - Sheraton phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 của các hạng mục công trình hiện còn đang xây dựng dở dang vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 về Tài sản cố định vô hình, khoản chi phí này phải kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC-TCĐN ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Bộ Tài chính, Công ty được phép phân bổ các chi phí trước hoạt động này vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm kể từ khi công trình khách sạn Four Points - Sheraton được đưa vào hoạt động. Theo đó, giá trị các khoản chi phí trước hoạt động của khách sạn Four Points - Sheraton được vốn hóa vào chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4.046.467 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 3.877.722 USD).

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Cuộc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành cho mục đích trình bày ý kiến về báo cáo tài chính theo luật định một cách tổng thể. Các thông tin bổ sung trong Phụ lục báo cáo tài chính từ trang 29 đến trang 53 nhằm cung cấp thông tin sử dụng trong nội bộ của Công ty và không phải là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính theo luật định. Ban Giám đốc điều hành Công ty có trách nhiệm về những thông tin này. Những thông tin bổ sung này không thuộc đối tượng của các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính theo luật định, và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các thông tin bổ sung này.

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 23 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		7.136.016	9.081.599
I. Tiền	110	5	1.530.393	1.429.485
1. Tiền	111		1.530.393	1.429.485
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.646.292	6.405.384
1. Phải thu khách hàng	131	6	2.615.341	3.689.896
2. Trả trước cho người bán	132		2.115.854	2.772.766
3. Các khoản phải thu khác	135		21.727	68.613
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(106.630)	(125.891)
III. Hàng tồn kho	140	7	896.346	1.126.263
1. Hàng tồn kho	141		928.394	1.158.311
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.048)	(32.048)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.985	120.467
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		47.424	48.597
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	60.289
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.561	11.581
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		54.323.980	51.624.295
I. Tài sản cố định	220		47.709.606	45.031.543
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	18.494.286	19.556.415
- Nguyên giá	222		25.973.283	26.230.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.478.997)	(6.673.985)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	2.364.299	2.627.111
- Nguyên giá	228		4.725.995	4.726.706
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.361.696)	(2.099.595)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	26.851.021	22.848.017
II. Bất động sản đầu tư	240	11	1.853.185	1.913.093
- Nguyên giá	241		2.099.206	2.099.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(246.021)	(186.113)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		419.411	419.411
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	419.411	419.411
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.341.778	4.260.248
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.315.120	4.228.775
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		26.658	31.473
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		61.459.996	60.705.894

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		11.692.966	12.051.932
I. Nợ ngắn hạn	310		10.094.108	9.834.720
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	6.442.418	6.500.453
2. Phải trả người bán	312		1.655.056	1.529.327
3. Người mua trả tiền trước	313		6.728	6.600
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	858.632	748.896
5. Phải trả người lao động	315		376.913	367.059
6. Chi phí phải trả	316		232.524	81.737
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		521.837	600.648
II. Nợ dài hạn	330		1.598.858	2.217.212
1. Phải trả dài hạn khác	333		122.329	280.220
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	1.236.437	1.691.977
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		195.425	218.264
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		44.667	26.751
B. NGUỒN VỐN (400= 410)	400		49.767.030	48.653.962
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	49.767.030	48.653.962
1. Vốn điều lệ	411		41.326.199	39.749.040
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		592.029	498.615
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.821.633	3.379.138
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		61.459.996	60.705.894

Dương Khánh Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.414.901	9.419.857
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.081.308	1.263.339
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		52.352	23.779
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	08		1.028.956	1.239.560
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	8.333.593	8.156.518
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	4.158.068	3.815.980
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	18	4.175.525	4.340.538
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	974.444	1.650.941
7. Chi phí tài chính	22		922.599	642.754
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		749.094	519.434
8. Chi phí bán hàng	24		694.036	1.082.763
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.798.842	1.545.524
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		1.734.492	2.720.438
11. Thu nhập khác	31		166.848	124.552
12. Chi phí khác	32		333.497	341.749
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(166.649)	(217.197)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.567.843	2.503.241
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	417.075	558.325
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	20	4.815	76.642
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.145.953	1.868.274
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	0,028	0,045

Dương Khánh Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.567.843	2.503.241
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.412.384	1.399.778
Các khoản dự phòng	03	(19.261)	(324.225)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(359.831)	(302.968)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05	50.196	103.765
Chi phí lãi vay	06	749.094	519.434
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.400.425	3.899.025
Giảm các khoản phải thu	09	1.778.353	5.502.134
Giảm hàng tồn kho	10	229.917	134.087
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(661.408)	(3.424.343)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	57.482	(60.394)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.164.527)	(989.438)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(512.544)	(774.275)
Tiền (chi) khác cho hoạt động kinh doanh	16	(23.094)	(51.198)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.104.604	4.235.598
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.384.084)	(7.470.109)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.389	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.379.695)	(7.470.109)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.099.454	10.345.902
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.083.286)	(8.685.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16.168	1.660.002
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(258.923)	(1.574.509)
Tiền đầu năm	60	1.429.485	2.701.026
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	359.831	302.968
Tiền cuối năm	70	1.530.393	1.429.485

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 1.431.942 USD (2010: 1.135.960 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 1.970.791 USD (2010: 2.705.818 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính trong năm không bao gồm giao dịch trả cổ tức bằng cổ phiếu với tổng số tiền là 1.577.159 USD.

Dương Khánh Nam
Tổng Giám đốc

Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 04 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953/CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 03 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phiếu của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Ngày 28 tháng 01 năm 2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/GCNĐC3/22/1 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 410.319.760.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 41.031.976 cổ phần.

Ngày 01 tháng 07 năm 2008, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 221.032.000.118 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2005.

Ngày 30 tháng 10 năm 2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 221.032.000.118 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 514.381.130.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 51.438.113 cổ phần.

Ngày 30 tháng 06 năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 2 số 221.032.000.118 về thay đổi vốn của cổ đông sáng lập.

Ngày 22 tháng 09 năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 3 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 565.814.070.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 56.581.407 cổ phần.

Ngày 18 tháng 01 năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 4 số 221.032.000.118. Theo đó, Đại diện Công ty là Ông Dương Khánh Nam, người Đà Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngày 22 tháng 11 năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 5 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 650.673.890.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 65.067.389 cổ phần.

Ngày 13 tháng 03 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 6 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 683.199.650.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 68.319.965 cổ phần.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.006 người (tại 31 tháng 12 năm 2010: 989 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 355/TC-CĐKT ngày 13 tháng 11 năm 2000. Ban Giám đốc điều hành Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của Công ty khoảng 3 triệu USD. Ban Giám đốc điều hành đã có kế hoạch dòng tiền cho năm 2012 và công ty mẹ của Công ty đã cam kết sẽ hỗ trợ tài chính để đáp ứng nhu cầu thanh toán của Công ty. Do đó, Ban Giám đốc điều hành Công ty lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục của kế toán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 23.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi (Tiếp theo)**

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian từ khi bắt đầu cho nợ, cụ thể như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng không vượt quá 9 triệu USD, các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
Hàng giải khát
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
Bình quân gia quyền
Giá đích danh
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	5 - 12
Phương tiện vận tải	8 - 12
Tài sản cố định khác	4 - 12

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất; 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 08 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 35 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm: Giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động, giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ. Chi phí trước hoạt động là các khoản chi phí như: Chi phí thành lập, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trước khi dự án của Công ty đi vào hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn (Tiếp theo)

- Chi phí trước hoạt động: Công ty đã thực hiện chính sách phân bổ chi phí trước hoạt động theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC-TCĐN ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:
 - + Chi phí trước hoạt động của Công ty sẽ được phân bổ cho từng hạng mục công trình căn cứ trên cơ sở tỷ lệ vốn đầu tư của mỗi công trình trong tổng số vốn đầu tư của Công ty. Đối với những công trình chưa hoàn thành và chưa đưa vào sử dụng thì chưa phân bổ chi phí trước hoạt động tương ứng. Theo đó, Công ty chưa bắt đầu thực hiện phân bổ chi phí trước hoạt động liên quan đến hạng mục khách sạn Four Points - Sheraton vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm do tại thời điểm này công trình khách sạn chưa được hoàn thành.
 - + Chi phí trước hoạt động của các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thì được tiếp tục phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi bắt đầu đưa công trình vào sử dụng.
- Công cụ, dụng cụ liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh được phân bổ theo tỷ lệ 30%/năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu đối với các hoạt động dịch vụ khác, như: bán hàng, giải khát, bán vé trên bờ, cho thuê phòng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	USD	USD
Tiền mặt	619.812	986.857
Tiền gửi ngân hàng	908.887	438.685
Tiền đang chuyển	1.694	3.943
	<u>1.530.393</u>	<u>1.429.485</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	USD	USD
Phải thu khách chơi tại CLB Quốc tế Hoàng Gia (*)	2.305.748	3.459.714
Phải thu các hoạt động kinh doanh khác	309.593	230.182
	<u>2.615.341</u>	<u>3.689.896</u>

(*) Đây là các khoản nợ phải thu khách chơi tại câu lạc bộ, chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	USD	USD
Nguyên liệu, vật liệu	724.904	951.226
Hàng hóa	203.490	207.085
	<u>928.394</u>	<u>1.158.311</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.048)	(32.048)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>896.346</u>	<u>1.126.263</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: USD

	<u>Nhà xưởng, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	19.340.055	5.044.247	667.946	716.649	461.503	26.230.400
Tăng do mua sắm	-	15.686	42.310	20.462	7.152	85.610
Tăng từ XDCB	86.403	9.420	-	-	-	95.823
Thanh lý trong năm	24.874	278.138	61.834	71.118	2.586	438.550
Tại ngày 31/12/2011	<u>19.401.584</u>	<u>4.791.215</u>	<u>648.422</u>	<u>665.993</u>	<u>466.069</u>	<u>25.973.283</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	3.221.250	2.171.027	441.394	606.412	233.902	6.673.985
Khấu hao trong năm	549.418	460.127	67.362	41.645	70.770	1.189.322
Thanh lý trong năm	5.893	248.378	61.834	66.600	1.605	384.310
Tại ngày 31/12/2011	<u>3.764.775</u>	<u>2.382.776</u>	<u>446.922</u>	<u>581.457</u>	<u>303.067</u>	<u>7.478.997</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	<u>15.636.809</u>	<u>2.408.439</u>	<u>201.500</u>	<u>84.536</u>	<u>163.002</u>	<u>18.494.286</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>16.118.805</u>	<u>2.873.220</u>	<u>226.552</u>	<u>110.237</u>	<u>227.601</u>	<u>19.556.415</u>

Trong số nhà xưởng và máy móc, thiết bị có một số nhà xưởng và máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 154.731 USD (31 tháng 12 năm 2010: 180.839 USD).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 11.879.984 USD để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng bao gồm các phương tiện, thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.134.663 USD (31 tháng 12 năm 2010: 1.150.735 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: USD

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	4.650.000	76.706	4.726.706
Thanh lý trong năm	-	711	711
Tại ngày 31/12/2011	4.650.000	75.995	4.725.995
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	2.070.599	28.996	2.099.595
Khấu hao trong năm	251.649	10.819	262.468
Thanh lý trong năm	-	367	367
Tại ngày 31/12/2011	2.322.248	39.448	2.361.696
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	2.327.752	36.547	2.364.299
Tại ngày 31/12/2010	2.579.401	47.710	2.627.111

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, Công ty đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2011	31/12/2010
	USD	USD
Văn phòng hậu cần	-	18.915
Câu lạc bộ	98.852	82.194
Khách sạn Four Points – Sheraton (*)	25.742.132	21.733.917
Khu công viên	1.010.037	1.012.991
	26.851.021	22.848.017

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp công trình này với giá trị tại ngày 31/12/2011 là 13.465.815 USD.

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị: USD

	Bất động sản đầu tư	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	2.099.206	2.099.206
Tại ngày 31/12/2011	2.099.206	2.099.206
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2011	186.113	186.113
Khấu hao trong năm	59.908	59.908
Tại ngày 31/12/2011	246.021	246.021
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2011	1.853.185	1.853.185
Tại ngày 31/12/2010	1.913.093	1.913.093

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do chưa có nguồn thông tin tin cậy nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác là giá trị khoản tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, tương ứng với 5% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, không có giá thị trường tin cậy để xem xét trích lập dự phòng giảm giá. Tuy nhiên, Ban Giám đốc điều hành tin tưởng rằng không có khoản giảm giá trị đáng kể nào ảnh hưởng tới khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	USD	USD
Sửa chữa lớn tài sản cố định	120.307	152.089
Công cụ, dụng cụ	148.346	198.964
Chi phí trước hoạt động - khách sạn Four Points - Sheraton (*)	4.046.467	3.877.722
	<u>4.315.120</u>	<u>4.228.775</u>

(*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 4, chi phí trước hoạt động của hạng mục khách sạn Four Points - Sheraton chưa được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho đến khi khách sạn này được đưa vào hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khách sạn này chưa được đưa vào hoạt động.

14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	USD	USD
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (1)	1.400.645	1.445.083
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (2)	1.439.419	1.048.753
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (3)	119.037	257.501
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (4)	959.524	1.045.848
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khai Tiệp (5)	570.000	600.000
Ngân hàng Thương Hải (6)	1.200.000	1.100.000
Vay dài hạn đến hạn trả	753.793	1.003.268
	<u>6.442.418</u>	<u>6.500.453</u>

(1) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND và đảm bảo tại mọi thời điểm tổng số dư dưới các hình thức cấp tín dụng (cho vay, bảo lãnh, mở L/C, hình thức cấp tín dụng khác) của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia tại ngân hàng không vượt quá giới hạn tín dụng là 74.692.502.000 VND. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng hết hạn vào ngày 30 tháng 06 năm 2012. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 16 được thế chấp bằng toàn bộ quyền sử dụng đất của Công ty.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND. Khoản vay này có lãi suất áp dụng theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ cho từng giấy nhận nợ và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng hết hạn vào ngày 03 tháng 11 năm 2012. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc thiết bị phân phối điện.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 2,5 tỷ VND. Hạn mức cho vay trên đã bao gồm dư nợ của Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2010/HM/NTQN-HG. Khoản vay này có lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh tại thời điểm nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng hết hạn vào ngày 20 tháng 11 năm 2012. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bao gồm hệ thống máy phát điện, hệ thống điều hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(4) Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 20 tỷ VND. Khoản vay này có lãi suất theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng hết hạn vào ngày 30 tháng 09 năm 2012. Khoản vay này không có bảo đảm bằng tài sản.

(5) Vay Công ty TNHH Cổ phần Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 2 triệu USD có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2011 đến ngày 07 tháng 12 năm 2012. Khoản vay này có lãi suất được tính theo lãi suất cho vay USD của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán lãi. Lãi và gốc được trả sau khi hết hạn hợp đồng. Khoản vay này không có bảo đảm bằng tài sản.

(6) Vay Ngân hàng Thượng Hải dưới hình thức hợp đồng khoản vay trị giá 1,2 triệu USD có thời hạn 1 năm từ ngày 27 tháng 12 năm 2011 đến ngày 26 tháng 12 năm 2012. Lãi suất áp dụng cho từng khoản vay theo cách tính SIBOR 180 ngày cộng 3% và 6M TAIFEX cộng 2%. Lãi và gốc vay được quy định trả 03 tháng/lần. Khoản vay này không có bảo đảm bằng tài sản.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	59.679	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	362.145	177.879
Thuế thu nhập doanh nghiệp	417.075	558.325
Thuế khác	19.733	12.692
	<u>858.632</u>	<u>748.896</u>

16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	USD	USD
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	1.236.437	1.691.977
	<u>1.236.437</u>	<u>1.691.977</u>

Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton ngày 18 tháng 12 năm 2008 để xây dựng đầu tư khách sạn Four Points - Sheraton. Hạn mức cho vay là 70 tỷ VND, thời hạn cho vay là 72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Lãi suất trong thời gian ân hạn là 13,5%, lãi suất sau thời gian ân hạn bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố trong từng năm trừ (-) 1%/năm và đảm bảo không thấp hơn lãi suất sàn cho vay do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam công bố trong từng năm. Gốc vay được trả trong 22 kỳ 3 tháng và vào tháng thứ 3 của kỳ trả nợ. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay. Chi phí lãi vay vốn hóa vào công trình khách sạn Four Points - Sheraton năm 2011 là 474.350 USD.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	USD	USD
Trong vòng một năm	753.793	1.003.268
Trong năm thứ hai	603.035	663.427
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	633.402	1.028.550
Sau năm năm	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 14)	(753.793)	(1.003.268)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.236.437</u>	<u>1.691.977</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD
Tại ngày 01/01/2010	35.172.907	8.522.698	398.937	3.221.820	47.316.362
Cổ phiếu thưởng	4.576.133	(3.050.859)	-	(1.576.874)	(51.600)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.868.274	1.868.274
Trích lập các quỹ	-	-	99.678	(99.678)	-
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	(34.404)	(34.404)
Điều chỉnh khác	-	(444.670)	-	-	(444.670)
Tại ngày 01/01/2011	39.749.040	5.027.169	498.615	3.379.138	48.653.962
Cổ phiếu phát hành thêm trong năm (*)	1.577.159	-	-	(1.577.159)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.145.953	1.145.953
Trích lập các quỹ (**)	-	-	93.414	(93.414)	-
Thù lao Hội đồng	-	-	-	(32.524)	(32.524)
Quản trị (**)	-	-	-	(361)	(361)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(361)	(361)
Tại ngày 31/12/2011	41.326.199	5.027.169	592.029	2.821.633	49.767.030

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2011-2015 số 01/2011/NQ-ĐHCĐTN ngày 16 tháng 04 năm 2011 thông qua phương án chi trả cổ tức 5% tính theo vốn cổ phần tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 có giá trị bằng 32.533.694.500 VND tương đương với 3.252.576 cổ phần mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, số cổ phiếu lẻ được chi trả bằng tiền mặt. Ngày 10 tháng 06 năm 2011 là ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thưởng của Công ty gửi lên Trung tâm lưu ký chứng khoán, ngày này được Ban giám đốc điều hành Công ty sử dụng để tăng vốn điều lệ. Ngày 13 tháng 07 năm 2011, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 52/2007/GCNCP-VSD-6 cho 894.462 cổ phiếu bổ sung mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu trên tổng số 18.799.555 cổ phiếu đăng ký. Ngày 14 tháng 07 năm 2011, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 106/2011/QĐ-SGDHCM và Công văn số 674/2011/TB-SGDHCM chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung 894.462 cổ phiếu nói trên với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Ngày niêm yết có hiệu lực là ngày 18 tháng 07 năm 2011 và ngày chính thức giao dịch là ngày 21 tháng 07 năm 2011.

(**) Trích lập các quỹ và trả thù lao Hội đồng Quản trị được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2011/NQ-ĐHCĐTN ngày 16 tháng 04 năm 2011.

Cổ phiếu

	31/12/2011	31/12/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu đã đăng ký	68.319.965	65.067.389
Cổ phiếu đã bán	68.319.965	65.067.389
Cổ phiếu đã mua lại	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	68.319.965	65.067.389

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ đã góp**

Tình hình góp vốn của các cổ đông trong Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư '000 VND	Vốn đã góp					
		31/12/2011			31/12/2010		
		USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	45.844.210	2.809.826	45.844.210	7%	2.703.972	43.661.160	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	358.627.500	21.702.990	358.627.500	52%	20.874.910	341.550.000	52%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	90.732.390	5.498.775	90.732.390	13%	5.289.272	86.411.800	13%
Các nhà đầu tư khác	187.995.550	11.314.608	187.995.550	28%	10.880.886	179.050.930	28%
Cộng	683.199.650	41.326.199	683.199.650	100%	39.749.040	650.673.890	100%

[Error! Not a valid link.](#)

Trong năm 2011 đã có sự thay đổi trong cổ đông sáng lập. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính, việc điều chỉnh nội dung này trong Giấy chứng nhận đầu tư chưa hoàn thành nên danh sách cổ đông sáng lập vẫn trình bày theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 6 ngày 13 tháng 03 năm 2012.

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng nghỉ
- Khu Công viên Hoàng Gia: Bán vé vào cổng và các dịch vụ vui chơi trong công viên
- Khách sạn Four Points -Sheraton: Cho thuê phòng nghỉ

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Four Points-Sheraton	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Tài sản						
Tài sản bộ phận	18.957.831	9.829.373	8.838.922	32.773.836	(14.047.799)	56.352.163
Tài sản không phân bổ						5.107.833
Tổng tài sản hợp nhất						61.459.996
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	4.703.767	2.397.820	785.852	17.669.159	(14.047.799)	11.508.799
Nợ phải trả không phân bổ						184.167
Tổng nợ phải trả hợp nhất						11.692.966

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

	<u>Câu lạc bộ</u>	<u>Biệt thự</u>	<u>Công viên</u>	<u>Khách sạn Four Points -Sheraton</u>	<u>Bù trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Doanh thu thuần	3.115.143	3.258.967	1.959.483	-	-	8.333.593
Giá vốn bộ phận	(2.280.296)	(1.274.639)	(603.133)	-	-	(4.158.068)
Lợi nhuận gộp	834.847	1.984.328	1.356.350	-	-	4.175.525
Chi phí không phân bổ						(2.492.878)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						1.682.647
Doanh thu hoạt động tài chính						974.444
(Lỗ) khác						(166.649)
Chi phí tài chính						(922.599)
Lợi nhuận trước thuế						1.567.843
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(417.075)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(4.815)
Lợi nhuận trong năm						1.145.953
%/Tổng doanh thu thuần	37%	39%	24%	0%		100%

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	<u>Câu lạc bộ</u>	<u>Biệt thự</u>	<u>Công viên</u>	<u>Khách sạn Four Points-Sheraton</u>	<u>Bù trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tài sản						
Tài sản bộ phận	18.902.598	8.873.557	8.039.544	29.543.842	(10.208.717)	55.150.824
Tài sản không phân bổ						5.555.070
Tổng tài sản hợp nhất						60.705.894
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	3.992.935	2.321.911	909.952	14.439.167	(10.208.717)	11.455.248
Nợ phải trả không phân bổ						596.684
Tổng nợ phải trả hợp nhất						12.051.932

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Four Points -Sheraton	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Doanh thu thuần	4.071.140	2.789.536	1.295.842	-	-	8.156.518
Giá vốn bộ phận	(1.906.950)	(1.314.779)	(594.251)	-	-	(3.815.980)
Lợi nhuận gộp	2.164.190	1.474.757	701.591	-	-	4.340.538
Chi phí không phân bổ						(2.628.287)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						1.712.251
Doanh thu hoạt động tài chính						1.650.941
(Lỗ) khác						(217.197)
Chi phí tài chính						(642.754)
Lợi nhuận trước thuế						2.503.241
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(558.325)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(76.642)
Lợi nhuận trong năm						1.868.274
%/Tổng doanh thu thuần	50%	34%	16%	0%		100%

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	USD	USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.753	3.225
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	424.617	302.968
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	477.990	1.292.738
Doanh thu hoạt động tài chính khác	70.084	52.010
	974.444	1.650.941

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011	2010
	USD	USD
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.567.843	2.503.241
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ		
- Khoản thu nhập không chịu thuế	19.261	78.007
Cộng:		
- Chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế	119.721	114.634
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	(306.569)
Thu nhập chịu thuế	1.668.303	2.233.299
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	417.075	558.325
Thuế thu nhập hoãn lại	4.815	76.642
	421.890	634.967

[Error! Not a valid link.](#)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2011	2010 (trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	1.145.953	1.868.274
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	1.145.953	1.868.274
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	41.326.199	41.326.199
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (USD)	0,028	0,045

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, ngày 13 tháng 03 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 6 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 683.199.650.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 68.319.965 cổ phần

Báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đô la Mỹ, vì vậy để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, Ban Giám đốc điều hành Công ty quyết định sử dụng mệnh giá cổ phần là 01 USD/cổ phần để tính số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 và 31/12/2011.

Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng như sau:

	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
	Cổ phiếu	USD
Theo báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	37.141.271	0,050
Số đã điều chỉnh lại	41.326.199	0,045

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT***Cam kết vốn***

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện có tổng giá trị là 2.928.341 USD (31 tháng 12 năm 2010: 2.914.787 USD).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 06 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, bãi cát, mặt biển cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, trừ đi tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền	1.530.393	1.429.485
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.530.438	3.632.618
Đầu tư dài hạn	419.411	419.411
Tổng cộng	4.480.242	5.481.514
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	7.678.855	8.192.430
Phải trả người bán và phải trả khác	2.293.873	2.404.777
Chi phí phải trả	232.524	81.737
Tổng cộng	10.205.252	10.678.944

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ (USD tương đương)		Tài sản (USD tương đương)	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
<i>Đồng Việt Nam (VND)</i>	7.250.598	7.443.598	375.586	417.171
<i>Đô la Australia (AUD)</i>	-	-	1.489	-
<i>Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)</i>	-	-	142	136
<i>Bảng Anh (GBP)</i>	-	-	61	-
<i>Đô la Hồng Kông (HKD)</i>	-	-	3.345	415
<i>Nhân dân Tệ (CNY)</i>	-	-	12.452	4.312
<i>Yên Nhật (JPY)</i>	-	-	272	-
<i>Won Hàn Quốc (KRW)</i>	-	-	1.715	507
<i>Đài Tệ (TWD)</i>	-	-	264	13
<i>Đô la Singapore (SGD)</i>	-	-	310	871
<i>Bạt Thái (THB)</i>	-	-	158	113

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này Công ty sẽ quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia như trình bày tại Thuyết minh số 6.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	USD	USD	USD
Phải trả người bán và phải trả khác	2.171.544	122.329	2.293.873
Chi phí phải trả	232.524	-	232.524
Các khoản vay	7.098.970	1.527.037	8.626.007
	9.503.038	1.649.366	11.152.404

31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	USD	USD	USD
Phải trả người bán và phải trả khác	2.124.557	280.220	2.404.777
Chi phí phải trả	81.737	-	81.737
Các khoản vay	7.749.431	2.384.036	10.133.467
	9.955.725	2.664.256	12.619.981

Ban Giám đốc điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	USD	USD	USD
Tiền	1.530.393	-	1.530.393
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.530.438	-	2.530.438
Đầu tư dài hạn	-	419.411	419.411
	4.060.831	419.411	4.480.242

31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	USD	USD	USD
Tiền	1.429.485	-	1.429.485
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.632.618	-	3.632.618
Đầu tư dài hạn	-	419.411	419.411
	5.062.103	419.411	5.481.514

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2011	2010
	USD	USD
Vốn vay nhận được từ Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	1.980.000	2.100.000
Chi phí lãi vay phát sinh với Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	74.849	65.500
Bán hàng cho bà Nguyễn Tiểu Mai	36.231	-
Bà Nguyễn Tiểu Mai thu hộ tiền từ Đài loan	733	-
Bán hàng cho ông Nguyễn Chính Nghĩa	7.055	51.320
Ông Nguyễn Chính Nghĩa thu hộ tiền từ Đài loan	-	4.871
Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	3.621	34.765
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn	420	4.088

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2011	31/12/2010
	USD	USD
Các khoản phải thu		
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	-	1.153
Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn	2.791	2.872
Bà Nguyễn Tiểu Mai	5.337	-
Các khoản phải trả		
Gốc vay phải trả Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	570.000	600.000
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	117.628	46.400
Các khoản phải trả khác cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	16.114	-

Error! Not a valid link.

Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành được hưởng trong năm như sau:

	2011	2010
	USD	USD
Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành	78.540	75.160

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Dương Khánh Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Các thông tin bổ sung trong Phụ lục báo cáo tài chính từ trang 29 đến trang 53 nhằm cung cấp thông tin sử dụng trong nội bộ (xem Báo cáo kiểm toán tại trang 3 và 4). Trong Phụ lục báo cáo tài chính này, các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng của các chỉ tiêu này được quy đổi từ Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 tương ứng là 20.828 VND/USD và 18.932 VND/USD.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		148.628.941.248	171.932.832.268
I. Tiền	110	5	31.875.025.404	27.063.010.020
1. Tiền	111		31.875.025.404	27.063.010.020
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.772.969.776	121.266.729.888
1. Phải thu khách hàng	131	6	54.472.322.348	69.857.111.072
2. Trả trước cho người bán	132		44.069.007.112	52.494.005.912
3. Các khoản phải thu khác	135		452.529.956	1.298.981.316
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.220.889.640)	(2.383.368.412)
III. Hàng tồn kho	140	7	18.669.094.488	21.322.411.116
1. Hàng tồn kho	141		19.336.590.232	21.929.143.852
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(667.495.744)	(606.732.736)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.311.851.580	2.280.681.244
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		987.747.072	920.038.404
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.141.391.348
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		324.104.508	219.251.492
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		1.131.459.855.440	977.351.152.940
I. Tài sản cố định	220		993.695.673.768	852.537.172.076
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	385.198.988.808	370.242.048.780
- Nguyên giá	222		540.971.538.324	496.593.932.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.772.549.516)	(126.351.884.020)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	49.243.619.572	49.736.465.452
- Nguyên giá	228		98.433.023.860	89.485.997.992
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.189.404.288)	(39.749.532.540)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	559.253.065.388	432.558.657.844
II. Bất động sản đầu tư	240	11	38.598.137.180	36.218.676.676
- Nguyên giá	241		43.722.262.568	39.742.167.992
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.124.125.388)	(3.523.491.316)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.735.492.308	7.940.289.052
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	8.735.492.308	7.940.289.052
IV. Tài sản dài hạn khác	260		90.430.552.184	80.655.015.136
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	89.875.319.360	80.059.168.300
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		555.232.824	595.846.836
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.280.088.796.688	1.149.283.985.208

Các thuyết minh từ trang 34 đến trang 53 là một bộ phận cấu thành của phụ lục báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		243.541.095.848	228.167.176.624
I. Nợ ngắn hạn	310		210.240.081.424	186.190.919.040
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	134.182.682.104	123.066.576.196
2. Phải trả người bán	312		34.471.506.368	28.953.218.764
3. Người mua trả tiền trước	313		140.130.784	124.951.200
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	17.883.587.296	14.178.099.072
5. Phải trả người lao động	315		7.850.343.964	6.949.160.988
6. Chi phí phải trả	316		4.843.009.872	1.547.444.884
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		10.868.821.036	11.371.467.936
II. Nợ dài hạn	330		33.301.014.424	41.976.257.584
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.547.868.412	5.305.125.040
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	25.752.509.836	32.032.508.564
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.070.311.900	4.132.174.048
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		930.324.276	506.449.932
B. NGUỒN VỐN (400= 410)	400		1.036.547.700.840	921.116.808.584
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.036.547.700.840	921.116.808.584
1. Vốn điều lệ	411		683.199.650.000	650.673.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		203.203.175.561	116.861.682.981
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.012.797.955	8.244.289.787
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		58.768.972.124	63.973.840.616
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		1.280.088.796.688	1.149.283.985.208

Các thuyết minh từ trang 34 đến trang 53 là một bộ phận cấu thành của phụ lục báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		196.093.558.028	178.336.732.724
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		22.521.483.024	23.917.533.948
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		1.090.387.456	450.184.028
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	08		21.431.095.568	23.467.349.920
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	173.572.075.004	154.419.198.776
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	86.604.240.304	72.244.133.360
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	18	86.967.834.700	82.175.065.416
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	20.295.719.632	31.255.615.012
7. Chi phí tài chính	22		19.215.891.972	12.168.618.728
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.602.129.832	9.833.924.488
8. Chi phí bán hàng	24		14.455.381.808	20.498.869.116
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		37.466.281.176	29.259.860.368
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		36.125.999.376	51.503.332.216
11. Thu nhập khác	31		3.475.110.144	2.358.018.464
12. Chi phí khác	32		6.946.075.516	6.469.992.068
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(3.470.965.372)	(4.111.973.604)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.655.034.004	47.391.358.612
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	8.686.838.100	10.570.208.900
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	20	100.286.820	1.450.986.344
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		23.867.909.084	35.370.163.368
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	349	518

Báo cáo này được quy đổi từ báo cáo bằng Đô la Mỹ theo tỷ giá liên ngân hàng ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2010 là 20.828 VND/USD và 18.932 VND/USD. Doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh thực tế bằng Đồng Việt Nam đã được ghi nhận trên sổ kế toán lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 194.403.577.331 VND và 21.236.243.231 VND; lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 178.630.748.473 VND và 23.319.895.472 VND.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.655.034.004	47.391.358.612
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	29.417.133.952	26.500.597.096
Các khoản dự phòng	03	(401.168.108)	(6.138.227.700)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(7.494.560.068)	(5.735.790.176)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	1.045.482.288	1.964.478.980
Chi phí lãi vay	06	15.602.129.832	9.833.924.488
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	70.824.051.900	73.816.341.300
Giảm các khoản phải thu	09	37.039.536.284	104.166.400.888
Giảm hàng tồn kho	10	4.788.711.276	2.538.535.084
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.775.805.824)	(64.829.661.676)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	1.197.235.096	(1.143.379.208)
Tiền lãi vay đã trả	13	(24.254.768.356)	(18.732.040.216)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.675.266.432)	(14.658.574.300)
Tiền (chi) khác cho hoạt động kinh doanh	16	(481.001.832)	(969.280.536)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.662.692.112	80.188.341.336
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(70.483.701.552)	(141.424.103.588)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	91.414.092	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(70.392.287.460)	(141.424.103.588)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	231.179.427.912	195.868.616.664
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(230.842.680.808)	(164.441.458.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	336.747.104	31.427.157.864
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.392.848.244)	(29.808.604.388)
Tiền đầu năm	60	27.063.010.020	48.459.107.466
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	10.204.863.628	8.412.506.942
Tiền cuối năm	70	31.875.025.404	27.063.010.020

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 29.824.487.976 VND (2010: 21.505.994.720 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 41.047.634.948 VND (2010: 51.226.546.376 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính trong năm không bao gồm giao dịch trả cổ tức bằng cổ phiếu với tổng số tiền là 32.525.760.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 04 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 06 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 03 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phiếu của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Ngày 28 tháng 01 năm 2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/GCNĐC3/22/1 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 410.319.760.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 41.031.976 cổ phần.

Ngày 01 tháng 07 năm 2008, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 221.032.000.118 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2005.

Ngày 30 tháng 10 năm 2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 221.032.000.118 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 514.381.130.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 51.438.113 cổ phần.

Ngày 30 tháng 06 năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 2 số 221.032.000.118 về thay đổi vốn của cổ đông sáng lập.

Ngày 22 tháng 09 năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 3 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 565.814.070.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 56.581.407 cổ phần.

Ngày 18 tháng 01 năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 4 số 221.032.000.118. Theo đó Đại diện Công ty là Ông Dương Khánh Nam, người Đãi Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngày 22 tháng 11 năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 5 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 650.673.890.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 65.067.389 cổ phần.

Ngày 13 tháng 03 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 6 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 683.199.650.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 68.319.965 cổ phần.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.006 người (tại 31 tháng 12 năm 2010: 989 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 355/TC-CĐKT ngày 13 tháng 11 năm 2000. Ban Giám đốc điều hành Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của Công ty khoảng 61 tỷ VND. Ban Giám đốc điều hành đã có kế hoạch dòng tiền cho năm 2012 và công ty mẹ của Công ty đã cam kết sẽ hỗ trợ tài chính để đáp ứng nhu cầu thanh toán của Công ty. Do đó, Ban Giám đốc điều hành Công ty lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục của kế toán.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Để phục vụ cho việc báo cáo Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã lập phụ lục báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bằng Đồng Việt Nam (VND).

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 23.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi (Tiếp theo)**

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian từ khi bắt đầu cho nợ, cụ thể như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng không vượt quá 9 triệu USD, các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
Hàng giải khát
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
Bình quân gia quyền
Giá đích danh
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	5 - 12
Phương tiện vận tải	8 - 12
Tài sản cố định khác	4 - 12

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất; 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 08 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 35 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm: Giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động, giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ. Chi phí trước hoạt động là các khoản chi phí như: Chi phí thành lập, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trước khi dự án của Công ty đi vào hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn (Tiếp theo)

- Chi phí trước hoạt động: Công ty đã thực hiện chính sách phân bổ chi phí trước hoạt động theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC-TCĐN ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:
 - + Chi phí trước hoạt động của Công ty sẽ được phân bổ cho từng hạng mục công trình căn cứ trên cơ sở tỷ lệ vốn đầu tư của mỗi công trình trong tổng số vốn đầu tư của Công ty. Đối với những công trình chưa hoàn thành và chưa đưa vào sử dụng thì chưa phân bổ chi phí trước hoạt động tương ứng. Theo đó, Công ty chưa bắt đầu thực hiện phân bổ chi phí trước hoạt động liên quan đến hạng mục khách sạn Four Points - Sheraton vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm do tại thời điểm này công trình khách sạn chưa được hoàn thành.
 - + Chi phí trước hoạt động của các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thì được tiếp tục phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi bắt đầu đưa công trình vào sử dụng.
- Công cụ, dụng cụ liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh được phân bổ theo tỷ lệ 30%/năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu đối với các hoạt động dịch vụ khác, như: bán hàng, giải khát, bán vé trên bờ, cho thuê phòng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	12.909.444.336	18.683.176.724
Tiền gửi ngân hàng	18.930.298.436	8.305.184.420
Tiền đang chuyển	35.282.632	74.648.876
	<u>31.875.025.404</u>	<u>27.063.010.020</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu khách chơi tại CLB Quốc tế Hoàng Gia (*)	48.024.119.344	65.499.305.448
Phải thu các hoạt động kinh doanh khác	6.448.203.004	4.357.805.624
	<u>54.472.322.348</u>	<u>69.857.111.072</u>

(*) Đây là các khoản nợ phải thu khách chơi tại câu lạc bộ, chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Phụ lục Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.098.300.512	18.008.610.632
Hàng hóa	4.238.289.720	3.920.533.220
	<u>19.336.590.232</u>	<u>21.929.143.852</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(667.495.744)	(606.732.736)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>18.669.094.488</u>	<u>21.322.411.116</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	366.145.921.260	95.497.684.204	12.645.553.672	13.567.598.868	8.737.174.796	496.593.932.800
Tại ngày 31/12/2011	404.096.191.552	99.791.426.020	13.505.333.416	13.871.302.204	9.707.285.132	540.971.538.324
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	60.984.705.000	41.101.883.164	8.356.471.208	11.480.591.984	4.428.232.664	126.351.884.020
Tại ngày 31/12/2011	78.412.733.700	49.628.458.528	9.308.491.416	12.110.586.396	6.312.279.476	155.772.549.516
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	<u>325.683.457.852</u>	<u>50.162.967.492</u>	<u>4.196.842.000</u>	<u>1.760.715.808</u>	<u>3.395.005.656</u>	<u>385.198.988.808</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>305.161.216.260</u>	<u>54.395.801.040</u>	<u>4.289.082.464</u>	<u>2.087.006.884</u>	<u>4.308.942.132</u>	<u>370.242.048.780</u>

Trong số nhà xưởng và máy móc, thiết bị có một số nhà xưởng và máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 3.222.737.268 VND (31 tháng 12 năm 2010: 3.423.643.948 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2011 là 247.436.306.752 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng bao gồm các phương tiện, thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 23.632.760.964 VND (31 tháng 12 năm 2010: 21.785.715.020 VND).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	88.033.800.000	1.452.197.992	89.485.997.992
Tại ngày 31/12/2011	<u>96.850.200.000</u>	<u>1.582.823.860</u>	<u>98.433.023.860</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	39.200.580.268	548.952.272	39.749.532.540
Tại ngày 31/12/2011	<u>48.367.781.344</u>	<u>821.622.944</u>	<u>49.189.404.288</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>48.482.418.656</u>	<u>761.200.916</u>	<u>49.243.619.572</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>48.833.219.732</u>	<u>903.245.720</u>	<u>49.736.465.452</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, Công ty đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Phụ lục Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Văn phòng hậu cần	-	358.098.780
Câu lạc bộ	2.058.889.456	1.556.096.808
Khách sạn Four Points – Sheraton (*)	536.157.125.296	411.466.516.644
Khu công viên	21.037.050.636	19.177.945.612
	<u>559.253.065.388</u>	<u>432.558.657.844</u>

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp công trình này với giá trị tại ngày 31/12/2011 là 280.465.994.224 VND.

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị: VND

	<u>Bất động sản</u>	<u>Tổng</u>
	<u>đầu tư</u>	<u></u>
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	39.742.167.992	39.742.167.992
Tại ngày 31/12/2011	<u>43.722.262.568</u>	<u>43.722.262.568</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2011	3.523.491.316	3.523.491.316
Tại ngày 31/12/2011	<u>5.124.125.388</u>	<u>5.124.125.388</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2011	<u>38.598.137.180</u>	<u>38.598.137.180</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>36.218.676.676</u>	<u>36.218.676.676</u>

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do chưa có nguồn thông tin tin cậy nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác là giá trị khoản tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, tương ứng với 5% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày lập báo cáo tài chính, không có giá thị trường tin cậy để xem xét trích lập dự phòng giảm giá. Tuy nhiên, Ban Giám đốc điều hành tin tưởng rằng không có khoản giảm giá trị đáng kể nào ảnh hưởng tới khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.505.754.196	2.879.348.948
Công cụ, dụng cụ	3.089.750.488	3.766.786.448
Chi phí trước hoạt động - khách sạn Four Points - Sheraton (*)	84.279.814.676	73.413.032.904
	<u>89.875.319.360</u>	<u>80.059.168.300</u>

(*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 4, chi phí trước hoạt động của hạng mục khách sạn Four Points - Sheraton chưa được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho đến khi khách sạn này được đưa vào hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khách sạn này chưa được đưa vào hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (1)	29.172.634.060	27.358.311.356
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (2)	29.980.218.932	19.854.991.796
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (3)	2.479.302.636	4.875.008.932
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (4)	19.984.965.872	19.799.994.336
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (5)	11.871.960.000	11.359.200.000
Ngân hàng Thương Hải (6)	24.993.600.000	20.825.200.000
Vay dài hạn đến hạn trả	15.700.000.604	18.993.869.776
	134.182.682.104	123.066.576.196

Error! Not a valid link.

(1) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND và đảm bảo tại mọi thời điểm tổng số dư dưới các hình thức cấp tín dụng (cho vay, bảo lãnh, mở L/C, hình thức cấp tín dụng khác) của Công ty Cổ phần quốc tế Hoàng Gia tại ngân hàng không vượt quá giới hạn tín dụng là 74.692.502.000 VND. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng hết hạn vào ngày 30 tháng 06 năm 2012. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 16 được thế chấp bằng toàn bộ quyền sử dụng đất của Công ty.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND. Khoản vay này có lãi suất áp dụng theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ cho từng giấy nhận nợ và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng hết hạn vào ngày 03 tháng 11 năm 2012. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc thiết bị phân phối điện.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 2,5 tỷ VND. Hạn mức cho vay trên đã bao gồm dư nợ của Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2010/HM/NTQN-HG. Khoản vay này có lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh tại thời điểm nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng hết hạn vào ngày 20 tháng 11 năm 2012. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bao gồm hệ thống máy phát điện, hệ thống điều hòa.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 20 tỷ VND. Khoản vay này có lãi suất theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng hết hạn vào ngày 30 tháng 09 năm 2012. Khoản vay này không có bảo đảm bằng tài sản.

(5) Vay Công ty TNHH Cổ phần Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 2 triệu USD có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2011 đến ngày 07 tháng 12 năm 2012. Khoản vay này có lãi suất được tính theo lãi suất cho vay USD của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán lãi. Lãi và gốc được trả sau khi hết hạn hợp đồng. Khoản vay này không có bảo đảm bằng tài sản.

(6) Vay Ngân hàng Thương Hải dưới hình thức hợp đồng khoản vay trị giá 1,2 triệu USD có thời hạn 1 năm từ ngày 27 tháng 12 năm 2011 đến ngày 26 tháng 12 năm 2012. Lãi suất áp dụng cho từng khoản vay theo cách tính SIBOR 180 ngày cộng 3% và 6M TAIFEX cộng 2%. Lãi và gốc vay được quy định trả 03 tháng/lần. Khoản vay này không có bảo đảm bằng tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Phụ lục Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.242.994.212	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	7.542.756.060	3.367.605.228
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.686.838.100	10.570.208.900
Thuế khác	410.998.924	240.284.944
	<u>17.883.587.296</u>	<u>14.178.099.072</u>

16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	25.752.509.836	32.032.508.564
	<u>25.752.509.836</u>	<u>32.032.508.564</u>

Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton ngày 18 tháng 12 năm 2008 để xây dựng đầu tư khách sạn Four Points - Sheraton. Hạn mức cho vay là 70 tỷ VND, thời hạn cho vay là 72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Lãi suất trong thời gian ân hạn là 13,5%, lãi suất sau thời gian ân hạn bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố trong từng năm trừ (-) 1%/năm và đảm bảo không thấp hơn lãi suất sàn cho vay do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam công bố trong từng năm. Gốc vay được trả trong 22 kỳ 3 tháng và vào tháng thứ 3 của kỳ trả nợ. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay. Chi phí lãi vay vốn hóa vào công trình khách sạn Four Points - Sheraton năm 2011 là 9.879.761.800 VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.700.000.604	18.993.869.776
Trong năm thứ hai	12.560.012.980	12.559.999.964
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	13.192.496.856	19.472.508.600
Sau năm năm	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 14)	(15.700.000.604)	(18.993.869.776)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>25.752.509.836</u>	<u>32.032.508.564</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	650.673.890.000	81.363.105.200	8.244.289.787	63.973.840.616	116.861.682.981	921.116.808.584
Tại ngày 31/12/2011 (*)	683.199.650.000	81.363.105.200	10.012.797.955	58.768.972.124	203.203.175.561	1.036.547.700.840

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Phụ lục Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2011-2015 số 01/2011/NQ-ĐHCĐTN ngày 16 tháng 04 năm 2011 thông qua phương án chi trả cổ tức 5% tính theo vốn cổ phần tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 có giá trị bằng 32.533.694.500 VND tương đương với 3.252.576 cổ phần mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, số cổ phiếu lẻ được chi trả bằng tiền mặt. Ngày 10 tháng 06 năm 2011 là ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thưởng của Công ty gửi lên Trung tâm lưu ký chứng khoán, ngày này được Ban giám đốc điều hành Công ty sử dụng để tăng vốn điều lệ. Ngày 13 tháng 07 năm 2011, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 52/2007/GCNCP-VSD-6 cho 894.462 cổ phiếu bổ sung mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu trên tổng số 18.799.555 cổ phiếu đăng ký. Ngày 14 tháng 07 năm 2011, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 106/2011/QĐ-SGDHCM và Công văn số 674/2011/TB-SGDHCM chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung 894.462 cổ phiếu nói trên với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Ngày niêm yết có hiệu lực là ngày 18 tháng 07 năm 2011 và ngày chính thức giao dịch là ngày 21 tháng 07 năm 2011.

Trích lập các quỹ và trả thù lao Hội đồng Quản trị được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2011/NQ-ĐHCĐTN ngày 16 tháng 04 năm 2011.

Cổ phiếu

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu đã đăng ký	68.319.965	65.067.389
Cổ phiếu đã bán	68.319.965	65.067.389
Cổ phiếu đã mua lại	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	68.319.965	65.067.389

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

Vốn điều lệ đã góp

Tình hình góp vốn của các cổ đông trong Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư	Vốn đã góp					
		31/12/2011		31/12/2010			
		'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	45.844.210	2.809.826	45.844.210	7%	2.703.972	43.661.160	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	358.627.500	21.702.990	358.627.500	52%	20.874.910	341.550.000	52%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	90.732.390	5.498.775	90.732.390	13%	5.289.272	86.411.800	13%
Các nhà đầu tư khác	187.995.550	11.314.608	187.995.550	28%	10.880.886	179.050.930	28%
Cộng	683.199.650	41.326.199	683.199.650	100%	39.749.040	650.673.890	100%

Error! Not a valid link.

Trong năm 2011 đã có sự thay đổi trong cổ đông sáng lập. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính, việc điều chỉnh nội dung này trong Giấy chứng nhận đầu tư chưa hoàn thành nên danh sách cổ đông sáng lập vẫn trình bày theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 6 ngày 13 tháng 3 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Phụ lục Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của công ty được chia thành 4 bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng nghỉ
- Khu Công viên Hoàng Gia: Bán vé vào cổng và các dịch vụ vui chơi trong công viên
- Khách sạn Four Points - Sheraton: Cho thuê phòng nghỉ

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Câu lạc bộ VND	Biệt thự VND	Công viên VND	Four Points- Sheraton VND	Bù trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	394.853.704.068	204.726.180.844	184.097.067.416	682.613.456.208	(292.587.557.572)	1.173.702.850.964
Tài sản không phân bổ						106.385.945.724
Tổng tài sản hợp nhất						1.280.088.796.688
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	97.970.059.076	49.941.794.960	16.367.725.456	368.013.243.652	(292.587.557.572)	239.705.265.572
Nợ phải trả không phân bổ						3.835.830.276
Tổng nợ phải trả hợp nhất						243.541.095.848

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

	Câu lạc bộ VND	Biệt thự VND	Công viên VND	Khách sạn Four Points-Sheraton VND	Bù trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	64.882.198.404	67.877.764.676	40.812.111.924	-	-	173.572.075.004
Giá vốn bộ phận	(47.494.005.088)	(26.548.181.092)	(12.562.054.124)	-	-	(86.604.240.304)
Lợi nhuận gộp	17.388.193.316	41.329.583.584	28.250.057.800	-	-	86.967.834.700
Chi phí không phân bổ						(51.921.662.984)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						35.046.171.716
Doanh thu hoạt động tài chính						20.295.719.632
(Lỗ) khác						(3.470.965.372)
Chi phí tài chính						(19.215.891.972)
Lợi nhuận trước thuế						32.655.034.004
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(8.686.838.100)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(100.286.820)
Lợi nhuận trong năm						23.867.909.084
% Tổng doanh thu thuần	37%	39%	24%	0%		100%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Phụ lục Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	<u>Câu lạc bộ</u>	<u>Biệt thự</u>	<u>Công viên</u>	<u>Four Points-Sheraton</u>	<u>Bù trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	357.863.985.336	167.994.181.124	152.204.647.008	559.324.016.744	(193.271.430.244)	1.044.115.399.968
Tài sản không phân bổ						105.168.585.240
Tổng tài sản hợp nhất						1.149.283.985.208
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	75.594.245.420	43.958.419.052	17.227.211.264	273.362.309.644	(193.271.430.244)	216.870.755.136
Nợ phải trả không phân bổ						11.296.421.488
Tổng nợ phải trả hợp nhất						228.167.176.624

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

	<u>Câu lạc bộ</u>	<u>Biệt thự</u>	<u>Công viên</u>	<u>Khách sạn Four Points-Sheraton</u>	<u>Bù trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	77.074.822.480	52.811.495.552	24.532.880.744	-	-	154.419.198.776
Giá vốn bộ phận	(36.102.377.400)	(24.891.396.028)	(11.250.359.932)	-	-	(72.244.133.360)
Lợi nhuận gộp	40.972.445.080	27.920.099.524	13.282.520.812	-	-	82.175.065.416
Chi phí không phân bổ						(49.758.729.484)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						32.416.335.932
Doanh thu hoạt động tài chính						31.255.615.012
(Lỗ) khác						(4.111.973.604)
Chi phí tài chính						(12.168.618.728)
Lợi nhuận trước thuế						47.391.358.612
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(10.570.208.900)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(1.450.986.344)
Lợi nhuận trong năm						35.370.163.368
%/Tổng doanh thu thuần	50%	34%	16%	0%		100%

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.511.484	61.055.700
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.843.922.876	5.735.790.176
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.955.575.720	24.474.115.816
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.459.709.552	984.653.320
	20.295.719.632	31.255.615.012

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Phụ lục Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	32.655.034.004	47.391.358.612
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ		
- Khoản thu nhập không chịu thuế	401.168.108	1.476.828.524
Cộng:		
Chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế	2.493.548.988	2.170.250.888
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	(5.803.964.308)
Thu nhập chịu thuế	34.747.414.884	42.280.816.668
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.686.838.100	10.570.208.900
Thuế thu nhập hoãn lại	100.286.820	1.450.986.344
	8.787.124.920	12.021.195.244

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>2011</u>	<u>2010 (trình bày lại)</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	23.867.909.084	35.370.163.368
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	23.867.909.084	35.370.163.368
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	68.319.965	68.319.965
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	349	518

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, ngày 13 tháng 03 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 6 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 683.199.650.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 68.319.965 cổ phần.

Phụ lục Báo cáo tài chính này được trình bày bằng Việt Nam đồng; vì vậy, để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, Ban Giám đốc điều hành Công ty quyết định sử dụng mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần để tính số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 và 31/12/2011.

Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng như sau:

	<u>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</u>	<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>
	Cổ phiếu	VND
Theo báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	60.231.542	587
Số đã điều chỉnh lại	68.319.965	518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÁC KHOẢN CAM KẾT*****Cam kết vốn***

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt cho công ty đã ký nhưng chưa thực hiện có giá trị 60.991.486.348 VND (tại 31 tháng 12 năm 2010: 55.182.747.484 VND).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 06 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, bãi cát, mặt biển cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 08 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, trừ đi tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	31.875.025.404	27.063.010.020
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.703.962.664	68.772.723.976
Đầu tư dài hạn	8.735.492.308	7.940.289.052
Tổng cộng	93.314.480.376	103.776.023.048
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	159.935.191.940	155.099.084.760
Phải trả người bán và phải trả khác	47.776.786.844	45.527.238.164
Chi phí phải trả	4.843.009.872	1.547.444.884
Tổng cộng	212.554.988.656	202.173.767.808

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và rủi ro lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ (VND tương đương)		Tài sản (VND tương đương)	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
<i>Đồng Việt Nam (VND)</i>	151.015.455.144	140.922.197.336	7.822.705.208	7.897.881.372
<i>Đô la Australia (AUD)</i>	-	-	31.012.892	-
<i>Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)</i>	-	-	2.957.576	2.574.752
<i>Bảng Anh (GBP)</i>	-	-	1.270.508	-
<i>Đô la Hồng Kông (HKD)</i>	-	-	69.669.660	7.856.780
<i>Nhân dân Tệ (CNY)</i>	-	-	259.350.256	81.634.784
<i>Yên Nhật (JPY)</i>	-	-	5.665.216	-
<i>Won Hàn Quốc (KRW)</i>	-	-	35.720.020	9.598.524
<i>Đài Tệ (TWD)</i>	-	-	5.498.592	246.116
<i>Đô la Singapore (SGD)</i>	-	-	6.456.680	16.489.772
<i>Bạt Thái (THB)</i>	-	-	3.290.824	2.139.316

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này Công ty sẽ quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia như trình bày tại Thuyết minh số 6.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	45.228.918.432	2.547.868.412	47.776.786.844
Chi phí phải trả	4.843.009.872	-	4.843.009.872
Các khoản vay	147.857.347.160	31.805.126.636	179.662.473.796
	197.929.275.464	34.352.995.048	232.282.270.512
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	40.222.113.124	5.305.125.040	45.527.238.164
Chi phí phải trả	1.547.444.884	-	1.547.444.884
Các khoản vay	146.712.227.692	45.134.569.552	191.846.797.244
	188.481.785.700	50.439.694.592	238.921.480.292

Ban Giám đốc điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Phụ lục Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2011	Dưới 1 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	31.875.025.404	-	31.875.025.404
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.703.962.664	-	52.703.962.664
Đầu tư dài hạn	-	8.735.492.308	8.735.492.308
	84.578.988.068	8.735.492.308	93.314.480.376
31/12/2010			
	Dưới 1 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	27.063.010.020	-	27.063.010.020
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.772.723.976	-	68.772.723.976
Đầu tư dài hạn	-	7.940.289.052	7.940.289.052
	95.835.733.996	7.940.289.052	103.776.023.048

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2011	2010
	VND	VND
Vốn vay nhận được từ Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	41.239.440.000	39.757.200.000
Chi phí lãi vay phát sinh với Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	1.558.954.972	1.240.046.000
Bán hàng cho bà Nguyễn Tiểu Mai	754.619.268	-
Bà Nguyễn Tiểu Mai thu hộ tiền từ Đài loan	15.266.924	-
Bán hàng cho ông Nguyễn Chính Nghĩa	146.941.540	971.590.240
Ông Nguyễn Chính Nghĩa thu hộ tiền từ Đài loan	-	92.217.772
Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	75.418.188	658.170.980
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn	8.747.760	77.394.016
<i>Error! Not a valid link.</i>		
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	-	21.828.596
Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn	58.130.948	54.372.704
Bà Nguyễn Tiểu Mai	111.159.036	-
Các khoản phải trả		
Gốc vay phải trả Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	11.871.960.000	11.359.200.000
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	2.449.955.984	878.444.800
Các khoản phải trả khác cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	335.622.392	-
<i>Error! Not a valid link.</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Phụ lục Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành được hưởng trong năm như sau:

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành	1.635.831.120	1.422.929.120
Error! Not a valid link.		

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.